

Số: 279 /BC-UBND

Tủa Chùa, ngày 21 tháng 6 năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **Thuyết minh tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2023**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định về thời gian gửi báo cáo, mẫu biểu đảm bảo lập kế hoạch tài chính 05 địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm; kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán và thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương các cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND huyện Tủa Chùa khóa XXI, kỳ họp thứ 9 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND huyện Tủa chùa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023.

UBND huyện Tủa Chùa báo cáo thuyết minh tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2023, như sau:

#### **I. QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**

##### **1. Quyết toán thu ngân sách**

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2023: 872.805.959.947 đồng, trong đó, ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 862.075.334.994 đồng, đạt 147% dự toán tỉnh giao và đạt 145% dự toán huyện giao, bao gồm:

**1.1. Thu ngân sách trên địa bàn:** 25.393.269.860 đồng, trong đó ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp 23.493.202.281 đồng, đạt 196% dự toán tỉnh giao và đạt 186% dự toán huyện giao, cụ thể:

- Thu từ kinh tế quốc doanh: 15.918.995 đồng.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 9.393.576.939 đồng, đạt 157% dự toán tỉnh giao và đạt 146% dự toán huyện giao.
- Thuế thu nhập cá nhân: 1.476.641.507 đồng, đạt 128% dự toán tỉnh giao và đạt 123% huyện giao.
- Lệ phí trước bạ: 3.004.538.262 đồng, 167% dự toán tỉnh giao và đạt 158% huyện giao.
- Phí và lệ phí: 710.922.652 đồng, đạt 118% dự toán tỉnh giao và đạt 117% dự toán huyện giao.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 70.918.380 đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 695.420.800 đồng, đạt 70% dự toán tỉnh và huyện giao.
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 627.963.810 đồng, đạt 97% dự toán tỉnh giao và đạt 94% dự toán huyện giao.
- Thu tiền mặt đất, mặt nước: 7.030.815.131 đồng, đạt 879% dự toán tỉnh và huyện giao.
- Thu khác ngân sách: 2.351.336.384 đồng, đạt 157% dự toán tỉnh giao và đạt 213% dự toán huyện giao.
- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi khác: 15.217.000 đồng.

**1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:** 772.342.510.963 đồng, đạt 133% dự toán tỉnh và huyện giao, trong đó:

- Thu bổ sung cân đối: 563.214.415.052 đồng, đạt 114% dự toán tỉnh và huyện giao.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 209.128.095.911 đồng, đạt 252% dự toán tỉnh và huyện giao.

**1.3. Thu kết dư ngân sách:** 301.043.117 đồng.

**1.4. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:** 65.891.564.760 đồng.

**1.5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên:** 8.877.571.247 đồng.

**2. Tổng chi ngân sách địa phương:** 857.061.342.358 đồng, đạt 145% dự toán huyện giao, trong đó:

**2.1. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới:** 112.782.602.439 đồng, bao gồm:

- Chi bổ sung cân đối: 68.702.038.759 đồng;
- Chi bổ sung có mục tiêu: 44.080.563.680 đồng.

**2.2. Các khoản chi cấp huyện, cấp xã:** 563.041.828.802 đồng, đạt 111% dự toán huyện giao, bao gồm:

**2.2.1. Chi đầu tư phát triển:** 21.534.897.844 đồng, đạt 117% dự toán huyện giao.

**2.2.2. Chi thường xuyên:** 541.506.930.958 đồng, đạt 110% dự toán huyện giao, cụ thể:

- Chi các hoạt động kinh tế: 47.752.874.194 đồng, đạt 89% dự toán huyện giao.
- Chi Bảo vệ môi trường: 2.599.762.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 521.981.040 đồng, đạt 209% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo dạy nghề: 328.483.300.980 đồng, đạt 114% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp Phát thanh - truyền hình, thông tấn: 2.859.731.720 đồng, đạt 110% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: 2.522.211.156 đồng, đạt 138% dự toán huyện giao.
- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 897.043.202 đồng, đạt 103% dự toán giao.
- Chi Bảo đảm bảo xã hội: 30.606.566.343 đồng, đạt 124% dự toán huyện giao.
- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 108.135.594.729 đồng, đạt 107% dự toán huyện giao.
- Chi quốc phòng: 10.597.338.191 đồng, đạt 117% dự toán huyện giao.
- Chi an ninh: 5.895.527.403 đồng, đạt 106% dự toán huyện giao.
- Chi hỗ trợ các đơn vị khác: 635.000.000 đồng.

**2.3. Chi các Chương trình mục tiêu:** 97.723.629.947 đồng, đạt 118% dự toán huyện giao, cụ thể:

**2.3.1. Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:** 45.252.143.286 đồng, đạt 97% dự toán huyện giao, bao gồm:

- Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng: 13.747.811.452 đồng.
- Vốn sự nghiệp: 31.504.331.834 đồng, đạt 68% dự toán huyện giao, trong đó:
  - + Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt: 5.085.085.000 đồng, đạt 130% dự toán huyện giao.
  - + Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 13.978.131.509 đồng, đạt 63% dự toán huyện giao.
  - + Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của lĩnh vực: 3.361.801.317 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.
  - + Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 4.187.132.772 đồng, đạt 37% dự toán huyện giao.
  - + Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin): 1.304.184.914 đồng, đạt 110% dự toán huyện giao.

+ Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 2.175.158.202 đồng, đạt 89% dự toán huyện giao.

+ Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: 718.275.120 đồng, đạt 96% dự toán huyện giao.

+ Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 694.563.000 đồng, đạt 45% dự toán huyện giao.

**2.3.2. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 32.495.873.261 đồng, đạt 96% dự toán huyện giao, bao gồm:**

- Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng: 7.592.277.000 đồng, đạt 506% dự toán huyện giao.

- Vốn sự nghiệp: 24.903.596.261 đồng, đạt 77% dự toán huyện giao, trong đó:

+ Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo: 4.197.096.073 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

+ Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (sự nghiệp kinh tế): 6.311.087.889 đồng, đạt 75% dự toán huyện giao.

+ Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: 4.543.398.326 đồng, đạt 91% dự toán huyện giao.

+ Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: Không thực hiện.

+ Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế): 7.360.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

+ Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 1.334.139.935 đồng, đạt 83% dự toán huyện giao.

+ Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: 1.157.874.038 đồng, đạt 101% dự toán huyện giao.

**2.3.3. Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: 19.975.613.400 đồng, đạt 940% dự toán huyện giao, cụ thể:**

- Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng: 17.736.226.000 đồng.

- Vốn sự nghiệp: 2.239.387.400 đồng, đạt 105% dự toán huyện giao, trong đó:

+ Hỗ trợ theo hệ số phân bổ: 773.264.000 đồng.

+ Nội dung thành phần số 3: 462.329.000 đồng, đạt 40% dự toán huyện giao (bao gồm: Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn: 400.000.000 đồng; Nội dung 08: Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới: 62.329.000 đồng).

+ Nội dung thành phần số 6 (Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn): 621.565.000 đồng, đạt 98% dự toán huyện giao.

+ Nội dung thành phần số 8 (*Nội dung 01: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM*): 197.814.400 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

+ Nội dung thành phần số 11 (*Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình*): 184.415.000 đồng, đạt 132% dự toán huyện giao.

**2.4. Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác:** 411.145.000 đồng, đạt 63% dự toán huyện giao, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu đảm bảo an toàn giao thông: 14.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

- Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững: 162.145.000 đồng, đạt 40% dự toán huyện giao.

- Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ: 235.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

**2.5. Chi chuyển nguồn:** 73.163.066.198 đồng (*bao gồm: Ngân sách huyện 56.126.327.464 đồng; Ngân sách xã 17.036.738.734 đồng*).

**2.6. Chi nộp trả ngân sách cấp trên:** 9.939.069.972 đồng (*bao gồm: Ngân sách huyện 9.892.056.099 đồng; Ngân sách xã 47.013.873 đồng*).

**2.7. Kết dư ngân sách:** 5.013.992.636 đồng.

## II. QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Tổng quyết toán chi ngân sách cấp huyện: 737.205.507.092 đồng, đạt 125% dự toán huyện giao, trong đó:

**1. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới:** 112.782.602.439 đồng, đạt 104% dự toán huyện giao, bao gồm:

- Chi bổ sung cân đối: 68.702.038.759 đồng, đạt 101% dự toán huyện giao;

- Chi bổ sung có mục tiêu: 44.080.563.680 đồng, đạt 108% dự toán huyện giao.

**2. Các khoản chi cấp huyện:** 492.392.436.497 đồng, đạt 112% dự toán huyện giao, cụ thể:

**2.1. Chi đầu tư phát triển:** 21.534.897.844 đồng, đạt 117% dự toán huyện giao, trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn trong nước: 20.835.870.000 đồng, đạt 119% dự toán huyện giao.

- Chi đầu tư từ nguồn vốn khác (*Ghi thu tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền thuê đất phải nộp*): 699.027.844 đồng.

**2.2. Chi thường xuyên:** 470.857.538.653 đồng, đạt 112% dự toán huyện giao, bao gồm:

**2.2.1 Chi các hoạt động kinh tế:** 47.111.563.935 đồng, đạt 94% dự toán huyện giao (trong đó: *Sự nghiệp Nông nghiệp* 18.684.949.245 đồng; *Sự nghiệp thủy lợi* 5.271.413.577 đồng; *Sự nghiệp giao thông* 11.740.825.708 đồng; *Sự nghiệp kinh tế khác* 11.414.375.405 đồng). Nguyên nhân không đạt do một số nhiệm vụ chi chưa có khối lượng thanh toán, bao gồm: Kinh phí thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; Kinh phí duy tu các công trình giao thông trên địa bàn các xã; Đường giao thông Hâu Chua - Làng Giang, xã Sín Chải; Kinh phí Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc thị trấn (theo quy hoạch chung)...

**2.2.2 Chi Bảo vệ môi trường:** 2.354.762.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

**2.2.3. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:** 521.981.040 đồng, đạt 209% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng so với dự toán giao đầu năm do huyện bổ sung kinh phí chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn.

**2.2.4. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo dạy nghề:** 328.162.474.488 đồng, đạt 114% dự toán huyện giao, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục: 321.430.830.764 đồng, đạt 114% dự toán huyện giao, trong đó quyết toán các chế độ chính sách gồm: Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú, trường bán trú theo NĐ 116/2021/NĐ-CP: 44.274.166.100 đồng; Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí và chi phí học tập theo NĐ 81/NĐ-CP: 28.774.377.500 đồng; Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi: 5.999.598.527 đồng; Hỗ trợ kinh phí nấu ăn cho trẻ mầm non: 1.245.318.473 đồng; hỗ trợ giáo viên mầm non dạy lớp ghép, dạy tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số: 541.870.000 đồng; chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 13/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính: 642.560.000 đồng. Nguyên nhân tăng là do trong năm tính, huyện bổ sung kinh phí tăng biên chế, chuyển ngạch, kinh phí cải cách tiền lương tăng thêm theo Nghị định 24/NĐ-CP; kinh phí mua sắm công tác dạy học, kinh phí thực hiện các chế độ theo Nghị định 105/NĐ-CP, kinh phí theo Nghị định 81/NĐ-CP, chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC...

- Chi sự nghiệp đào tạo: 6.731.643.724 đồng, đạt 154% dự toán giao. Nguyên nhân tăng là do huyện bổ sung kinh phí cải cách tiền lương tăng thêm theo Nghị định 24/NĐ-CP; kinh phí theo Nghị định 81/NĐ-CP; kinh phí tăng biên chế; kinh phí cải tạo, sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, kinh phí chi thường xuyên trong năm.

**2.2.5. Chi sự nghiệp Phát thanh - truyền hình, thông tin:** 2.859.731.720 đồng, đạt 110% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng do huyện bổ sung kinh phí cải cách tiền lương tăng thêm theo Nghị định 24/NĐ-CP; kinh phí tăng biên chế; kinh chi trả chế độ nhuận bút theo Quyết định số 17/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên.

**2.2.6. Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:** 2.522.211.156 đồng, đạt 138% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng chi so với dự toán giao là do trong năm bổ sung kinh phí hội diễn công nông binh; kinh phí đội tuyên truyền lưu động; kinh phí cải cách tiền lương tăng thêm theo Nghị định 24/NĐ-CP; kinh phí tăng biên chế; Kinh phí chi thường xuyên (*Mô hình nhà người nông; điện chiếu sáng hang động khó chua la.....*); Kinh phí hỗ trợ vận hành âm thanh, ánh sáng chợ đêm, chi thường xuyên khác; Kinh phí tổ chức Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lễ công bố, trao, đón nhận Quyết định và Giấy chứng nhận Di sản văn hóa Phi vật thể nghề rèn của người Mông tỉnh Điện Biên.

**2.2.7. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao:** 897.043.202 đồng, đạt 103% dự toán giao. Nguyên nhân tăng chi so với dự toán giao là do trong năm bổ sung phát sinh kinh phí cải cách tiền lương tăng thêm theo Nghị định 24/NĐ-CP; Kinh phí tổ chức Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch...

**2.2.8. Chi Bảo đảm bảo xã hội:** 30.053.609.712 đồng, đạt 124% dự toán huyện giao. Nguyên tăng là do tỉnh, huyện bổ sung kinh phí để thực hiện chi trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

**2.2.9. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:** 49.657.161.400 đồng, đạt 103% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng chi so với dự toán giao là do trong năm bổ sung kinh phí cải cách tiền lương tăng thêm theo Nghị định 24/NĐ-CP; bổ sung những nhiệm vụ phát sinh chi thường xuyên ngoài dự toán giao đầu năm,...

**2.2.10. Chi quốc phòng:** 4.157.000.000 đồng, đạt 144% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng là do tỉnh, huyện bổ sung kinh phí diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn, chi hỗ trợ khác; kinh phí hội thi trung đội trưởng dân quân cơ động...

**2.2.11. Chi an ninh:** 1.925.000.000 đồng, đạt 193% dự toán huyện giao. Nguyên tăng do huyện bổ sung kinh phí thực hiện Đề án 06; kinh phí mua sắm tài sản phục vụ chuyển đổi số; kinh phí hỗ trợ an ninh dịp Noel, Tết dương lịch, hỗ trợ đường truyền camera an ninh...

**2.2.12. Chi hỗ trợ các đơn vị khác:** 635.000.000 đồng, đạt 119% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng do huyện bổ sung kinh phí hỗ trợ các đơn vị ngoài phân cấp (*Kho bạc Nhà nước huyện, Chi cục thuế khu vực Tuần Giáo - Tủa Chùa*) để thực hiện công tác chuyên môn.

**3. Chi các Chương trình mục tiêu:** 65.600.939.593 đồng, đạt 157% dự toán huyện giao, cụ thể:

**3.1. Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:** 35.122.074.378 đồng, đạt 119% dự toán huyện giao, bao gồm:

- Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng: 13.747.811.452 đồng.
- Vốn sự nghiệp: 21.374.262.926 đồng, đạt 72% dự toán huyện giao, trong đó:

+ Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt: 5.085.085.000 đồng, đạt 130% dự toán huyện giao.

+ Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 9.146.638.540 đồng, đạt 101% dự toán huyện giao.

+ Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 4.187.132.772 đồng, đạt 37% dự toán huyện giao.

+ Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin): 1.164.279.914 đồng, đạt 98% dự toán huyện giao.

+ Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 870.458.900 đồng, đạt 36% dự toán huyện giao.

+ Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: 334.179.800 đồng, đạt 96% dự toán huyện giao.

+ Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 586.488.000 đồng, đạt 41% dự toán huyện giao.

**3.2. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 11.336.469.815 đồng, đạt 112% dự toán huyện giao, bao gồm:**

- Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng: 7.592.277.000 đồng, đạt 506% dự toán huyện giao. Nguyên nhân tăng do tỉnh sung cho huyện để đầu tư các công trình trên địa bàn 7.160.000.000 đồng.

- Vốn sự nghiệp: 3.744.192.815 đồng, đạt 43% dự toán huyện giao, trong đó:

+ Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: 1.348.196.480 đồng, đạt 99% dự toán huyện giao.

+ Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: Không thực hiện.

+ Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 1.334.139.935 đồng, đạt 83% dự toán huyện giao.

+ Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: 1.061.856.400 đồng, đạt 103% dự toán huyện giao.

**3.3. Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: 19.142.395.400 đồng, đạt 931% dự toán huyện giao, cụ thể:**

- Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng: 17.736.226.000 đồng. Nguyên nhân tăng do tỉnh sung cho huyện để đầu tư các công trình trên địa bàn 19.000.000.0000 đồng.

- Vốn sự nghiệp: 1.406.169.400 đồng, đạt 68% dự toán huyện giao, trong đó:

+ Nội dung thành phần số 3: 462.329.000 đồng, đạt 40% dự toán huyện giao (bao gồm: Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề



và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn: 400.000.000 đồng; Nội dung 08: Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới: 62.329.000 đồng).

+ Nội dung thành phần số 6 (Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn): 621.565.000 đồng, đạt 98% dự toán huyện giao.

+ Nội dung thành phần số 8 (Nội dung 01: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM): 197.814.400 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

+ Nội dung thành phần số 11 (Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình): 124.461.000 đồng, đạt 178% dự toán huyện giao.

**4. Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác:** 411.145.000 đồng, đạt 63% dự toán huyện giao, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu đảm bảo an toàn giao thông: 14.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

- Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững: 162.145.000 đồng, đạt 40% dự toán huyện giao.

- Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ: 235.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

**5. Chi chuyển nguồn:** 56.126.327.464 đồng, cụ thể:

- **Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư công:** 13.790.469.779 đồng, bao gồm:

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 1.262.778.000 đồng, (bao gồm: Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Sông Ún, xã Mường Báng 925.187.000 đồng; Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Phai Tung, xã Mường Báng 337.591.000 đồng).

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 5.572.120.000 đồng, (bao gồm: Nâng cấp tuyến đường Xá Nhè - Mường Đun 3.239.461.000 đồng; Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Tả Phìn, Tả Sìn Thàng và các bản lân cận 227.519.000 đồng; Nâng cấp tuyến đường Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình)- Làng Sảng (xã Tả Sìn Thàng) 2.105.140.000 đồng).

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi : 6.955.571.779 đồng, (bao gồm: Nâng cấp tuyến đường nội thôn Nà Sa từ ông Thào A Lử đến nhà ông Giàng A Hạng xã Tả Phìn 466.714.000 đồng; Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã - thôn Háng Là xã Sín Chải 1.816.395.000 đồng; Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học và THCS Lao Xả Phình xã Lao Xả Phình 2.208.297.000 đồng; Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu

học và THCS trên địa bàn xã Tả Phìn 1.295.512.000 đồng; Đường Nhù Pông Chua đi thôn 3 xã Sính Phình 1.168.653.779 đồng).

- **Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội:** 10.392.770.739 đồng, (bao gồm: Nguồn tăng thu ngân sách địa phương năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024: 7.670.000.000 đồng; Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (tại Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh Điện Biên): 1.600.000.000 đồng; tiền lương còn dư các cơ quan đơn vị: 1.122.770.739 đồng).

- **Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước:** 174.767.643 đồng, (bao gồm: UBMTTQ huyện: 17.048.868 đồng; Trường PTDTBT THCS Trung Thu: 69.242.630 đồng; Phòng Dân tộc: 20.000.000 đồng; Trường PTDTBT TH Mường Báng: 203.633 đồng; Trường Tiểu học Tủa Thành số 2: 365.020 đồng; Ban chấp hành Hội phụ nữ: 232.000 đồng; Ban chấp hành Hội nông dân: 66.743.633 đồng; Ban chấp hành Hội cựu chiến binh: 931.859 đồng).

- **Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc:** 5.913.418.896 đồng, (bao gồm: Kinh phí để thực hiện chi trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ: 3.926.000.000 đồng; Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: 1.000.000.000 đồng; Nguồn dự phòng ngân sách huyện: 137.409.923 đồng; Kinh phí mua sắm, sửa chữa: 500.000.000 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 220.785.500 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC: 84.372.000 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách theo Nghị định số 105/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ: 44.851.473 đồng).

- **Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau:** 4.143.671.577 đồng, (bao gồm: số tăng thu ngân sách năm 2021: 235.582.559 đồng; số tăng thu ngân sách năm 2022: 1.165.000.000 đồng; số tăng thu ngân sách năm 2023: 2.698.069.277 đồng).

- **Kinh phí khác theo quy định của pháp luật (theo quy định khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2023 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2023; khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2024 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội):** 21.711.228.830 đồng, (bao gồm: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn sự nghiệp 860.756.600 đồng; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc

thiếu số và miền núi 13.611.473.841 đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 7.238.998.389 đồng).

**6. Chi nộp trả ngân sách cấp trên:** 9.892.056.099 đồng, cụ thể:

- **Chi đầu tư XD CB vốn trong nước:** 47.013.873 đồng.

- **Chi thường xuyên:** 8.076.466.476 đồng, trong đó:

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 1.867.283.847 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí 87.283.847 đồng; kinh phí giao đất giao rừng, cấp giấy chứng nhận QSD đất 1.780.000.000 đồng).

+ Chi giáo dục - Đào tạo dạy nghề: 813.009.422 đồng, (bao gồm: Hỗ trợ học sinh bán trú, trường bán trú theo Nghị định 116/NĐ-CP 71.558.992 đồng; Cấp bù miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định 81/NĐ-CP 165.597.300 đồng; Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi 12.062.946 đồng; Hỗ trợ kinh phí nấu ăn cho trẻ mầm non 486.721.527 đồng; Phụ cấp lớp ghép theo Nghị định 06/NĐ-CP 2.925.000 đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC 74.203.657 đồng).

+ Chi đảm bảo xã hội: 5.396.173.207 đồng, (bao gồm: Kinh phí để thực hiện chi trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP 5.130.147.207 đồng; Kinh phí Hỗ trợ phòng chống dịch Covid 214.951.000 đồng; Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín 36.500.000 đồng; Kinh phí tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách 14.575.000 đồng).

- **Chương trình mục tiêu quốc gia:** 1.628.357.000 đồng, cụ thể:

+ Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp) thuộc Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (Sự nghiệp văn hóa thông tin) 262.000.000 đồng;

+ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững (vốn đầu tư): 878.108.000 đồng, (bao gồm: Nước sinh hoạt trung tâm xã Trung Thu huyện Tủa Chùa 878.107.000 đồng; Nâng cấp tuyến đường Lâu Câu Phình (xã Lao Xá Phình) Làng Sảng (xã Tả Sìn Thàng) 1.000 đồng).

+ Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (vốn đầu tư): 488.249.000 đồng, (bao gồm: Nâng cấp tuyến đường nội thôn Tả Huổi Tráng 1, xã Tủa Thàng 223.445.000 đồng; Thủy lợi Nà Luông Tỉnh Bản Đun xã Mường Đun 68.211.000 đồng; Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ thôn Bản Hột đi Bản Kép xã Mường Đun 86.854.000 đồng; Nâng cấp đường nội thôn Tiên Phong xã Mường Báng 77.036.000 đồng; Nhà văn hóa thôn Tì Ngài 1 xã Mường Báng 17.953.000 đồng; Nâng cấp đường nội thôn Nà Áng xã Mường Báng 14.720.000 đồng).

- **Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác** (Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững): 140.218.750 đồng.

**7. Kết dư ngân sách:** 5.013.992.636 đồng, bao gồm:

- **Sự nghiệp Nông nghiệp** (kinh phí phụ cấp thú y xã, phụ cấp thú y thôn bản): 465.289.680 đồng.

- **Sự nghiệp Giao thông:** 1.141.681.450 đồng, (bao gồm: Đường giao thông Hâu Chua - Làng Giang, xã Sín Chải 631.522.000 đồng; Nâng cấp tuyến đường Mường Đun - Nà Sa (Phân đoạn: Lý trình Km0+00 đến km1+200) 735.000 đồng; Nâng cấp tuyến đường Sính Phình - Dê Giàng ( phân đoạn Km3 - Km398); đường vào Trạm Y tế và điểm trường tiểu học số 2 xã Sính Phình 687.000 đồng; Duy tu các tuyến đường 508.737.450 đồng).

- **Sự nghiệp kinh tế khác:** 1.132.203.528 đồng, (bao gồm: Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc thị trấn (theo quy hoạch chung) 50.000.000 đồng; Kinh phí Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 là 185 đồng; Kinh phí thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp 1.055.000.000 đồng; Kinh phí quy hoạch, quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất (trích 10% từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn xã, đấu giá đất; tiền thuê mặt đất, mặt nước, chi thường xuyên) 25.420.343 đồng; Đấu giá đất Huổi Lực thị trấn Tủa Chùa 941.000 đồng; Xây dựng công trào và hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường từ Trụ sở UBND xã Mường Báng - Đội 10 và Khu tái định cư Huổi Lực huyện Tủa Chùa (xây mới) 842.000 đồng).

- **Sự nghiệp môi trường:** 76.485.767 đồng.

- **Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ:** 116.295.320 đồng.

- **Chi giáo dục - Đào tạo dạy nghề** (kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học, kinh phí sửa chữa trường lớp, phần mềm quản lý mi sa, xây dựng giáo trình): 292.914.930 đồng.

- **Chi sự nghiệp văn hoá thông tin** (Kinh phí đội tuyên truyền lưu động): 92.912.093 đồng.

- **Chi quản lý nhà nước** (Hội đồng phổ biến pháp luật, thẩm tra các văn bản; tủ sách pháp luật; Kinh phí sửa chữa công, thôn bản văn hóa các xã; Kinh phí bảo tồn phát triển cơ sở sản xuất về nghề thủ công truyền thống, mở lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức về di sản văn hóa, nghệ thuật cho đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số và người am hiểu di sản văn hóa truyền thống các dân tộc; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, kinh phí phần mềm quản lý mi sa; các khoản chi thường xuyên khác): 496.755.273 đồng.

- **Chi Đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội:** 310.053.354 đồng, (bao gồm: UBMT Tổ quốc 53.750.154 đồng; Ban chấp hành Hội phụ nữ huyện Tủa Chùa 50.538.000 đồng; Ban chấp hành Hội nông dân 119.003.000 đồng; Ban chấp hành Đoàn huyện Tủa Chùa 41.352.100 đồng; Ban chấp hành Hội cựu chiến binh 45.410.100 đồng).

- **Kinh phí dự phòng ngân sách** (các xã, thị trấn): 889.401.241 đồng.

### III. QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ

#### 1. Quyết toán thu ngân sách

Tổng thu ngân sách cấp xã: 119.855.835.266 đồng, đạt 110% dự toán huyện giao, trong đó:

- Thu ngân sách trên địa bàn: 793.817.273 đồng, đạt 139% dự toán huyện giao.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 112.782.602.439 đồng, trong đó: Thu bổ sung cân đối: 68.702.038.759 đồng; Thu bổ sung có mục tiêu: 44.080.563.680 đồng.
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 6.279.415.554 đồng.

## **2. Quyết toán chi ngân sách**

Tổng chi ngân sách cấp xã: 119.855.835.266 đồng, đạt 110% dự toán huyện giao, trong đó:

- Chi thường xuyên: 70.649.392.305 đồng;
- Chi chương trình mục tiêu: 32.122.690.354 đồng;
- Chi trả nợ ngân sách cấp trên: 47.013.873 đồng;
- Chi chuyển nguồn ngân sách: 17.036.738.734 đồng.

## **3. Chi tiết thu, chi ngân sách các xã, thị trấn**

### **3.1. UBND thị trấn Tủa Chùa**

- Thu ngân sách: 10.606.226.175 đồng, đạt 112% dự toán huyện giao, trong đó: thu ngân sách trên địa bàn 447.738.755 đồng, đạt 166% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 6.394.247.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 3.291.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 473.240.420 đồng.

- Chi ngân sách: 10.606.226.175 đồng, đạt 109% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.897.831.467 đồng; chi chương trình mục tiêu 2.950.438.720 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 757.955.988 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 162.361.962 đồng; kinh phí chi thường xuyên 5.790.547 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 303.755.409 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 286.048.070 đồng).

### **3.2. UBND xã Mường Báng**

- Thu ngân sách: 11.524.798.578 đồng, đạt 119% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 32.482.017 đồng, đạt 108% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 6.519.014.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 4.467.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 506.302.561 đồng.

- Chi ngân sách: 11.524.798.578 đồng, đạt 106% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.673.400.274 đồng; chi chương trình mục tiêu 4.548.756.606 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 255.627.825 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 68.858.521 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 1.772.810 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

178.214.494 đồng; Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới 6.782.000 đồng); Chi nộp trả ngân sách cấp trên 47.013.873 đồng.

### **3.3. UBND xã Xá Nhè**

- Thu ngân sách: 13.385.128.021 đồng, đạt 107% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 62.144.748 đồng, đạt 155% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 6.668.205.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 6.069.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 585.778.273 đồng.

- Chi ngân sách: 13.385.128.021 đồng, đạt 105% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.782.680.513 đồng; chi chương trình mục tiêu 3.869.198.645 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 2.733.248.863 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 59.578.057 đồng; kinh phí chi thường xuyên 11.866.250 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 1.223.027.772 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 1.438.776.784 đồng).

### **3.4. UBND xã Mường Đun**

- Thu ngân sách: 8.230.239.844 đồng, đạt 108% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.438.069.771 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 2.280.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 490.170.073 đồng.

- Chi ngân sách: 8.230.239.844 đồng, đạt 107% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.580.678.366 đồng; chi chương trình mục tiêu 2.341.535.429 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 308.026.049 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 47.186.041 đồng; kinh phí chi thường xuyên 97.601 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 26.436.977 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 234.305.430 đồng).

### **3.5. UBND xã Tủa Thành**

- Thu ngân sách: 10.040.496.961 đồng, đạt 107% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.549.345.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 3.956.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 513.151.961 đồng.

- Chi ngân sách: 10.040.496.961 đồng, đạt 105% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.641.922.839 đồng; chi chương trình mục tiêu 1.779.205.044 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 2.619.369.078 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 43.845.392 đồng; kinh phí chi thường xuyên 9.911.269 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 1.501.783.846 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 1.063.828.571 đồng).

### **3.6. UBND xã Sính Phình**

- Thu ngân sách: 11.590.969.410 đồng, đạt 107% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 25.150.707 đồng, đạt 101% dự toán huyện

giao; thu bổ sung cân đối 6.362.150.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 4.623.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 580.668.703 đồng.

- Chi ngân sách: 11.590.969.410 đồng, đạt 105% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.489.504.960 đồng; chi chương trình mục tiêu 2.439.364.227 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 2.662.100.223 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 26.675.987 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 953.578.626 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 1.681.845.610 đồng).

### **3.7. UBND xã Trung Thu**

- Thu ngân sách: 8.914.883.724 đồng, đạt 107% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 20.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.044.991.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 3.386.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 463.892.724 đồng.

- Chi ngân sách: 8.914.883.724 đồng, đạt 104% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.042.178.083 đồng; chi chương trình mục tiêu 1.571.695.348 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 2.301.010.293 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 71.189.984 đồng; kinh phí chi thường xuyên 76.750.908 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 809.571.864 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 1.338.497.537 đồng; Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới 5.000.000 đồng).

### **3.8. UBND xã Tả Phìn**

- Thu ngân sách: 10.647.871.586 đồng, đạt 109% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.146.128 đồng, đạt 101% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.971.219.988 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 4.041.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 613.505.470 đồng.

- Chi ngân sách: 10.647.871.586 đồng, đạt 107% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.089.521.866 đồng; chi chương trình mục tiêu 3.168.134.804 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 1.390.214.916 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 90.553.200 đồng; kinh phí chi thường xuyên 2.410.766 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 727.215.143 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 570.035.807 đồng).

### **3.9. UBND xã Tả Sìn Thàng**

- Thu ngân sách: 8.660.653.942 đồng, đạt 110% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 71.082.016 đồng, đạt 142% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.329.581.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 2.770.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 489.990.926 đồng.

- Chi ngân sách: 8.660.653.942 đồng, đạt 106% dự toán huyện giao trong đó: chi thường xuyên 5.456.982.128 đồng; chi chương trình mục tiêu

1.952.034.954 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 1.251.636.860 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 55.694.375 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 978.356.158 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 217.586.327 đồng).

### **3.10. UBND xã Lao Xả Phình**

- Thu ngân sách: 7.706.225.389 đồng, đạt 109% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 20.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 4.418.640.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 2.747.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 520.585.389 đồng.

- Chi ngân sách: 7.706.225.389 đồng, đạt 106% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 4.538.013.653 đồng; chi chương trình mục tiêu 2.774.400.389 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 393.811.347 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 14.615.589 đồng; kinh phí chi thường xuyên 77.295.727 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 9.208.847 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 292.691.184 đồng).

### **3.11. UBND xã Sín Chải**

- Thu ngân sách: 10.118.452.708 đồng, đạt 113% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 27.000.000 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.928.790.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 3.574.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 588.662.708 đồng.

- Chi ngân sách: 10.118.452.708 đồng, đạt 107% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.289.191.575 đồng; chi chương trình mục tiêu 1.996.833.516 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 1.832.427.617 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 7.166 đồng; kinh phí chi thường xuyên 25.130.967 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 783.210.000 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 1.019.079.484 đồng; Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới 5.000.000 đồng).

### **3.12. UBND xã Huổi Sớ**

- Thu ngân sách: 8.429.888.928 đồng, đạt 113% dự toán huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.072.902 đồng, đạt 100% dự toán huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.077.786.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 2.876.563.680 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 453.466.346 đồng.

- Chi ngân sách: 8.429.888.928 đồng, đạt 105% dự toán huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.167.486.581 đồng; chi chương trình mục tiêu 2.731.092.672 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 531.309.675 đồng, (bao gồm: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cơ sở 50.505.146 đồng; kinh phí chi thường xuyên 3.096.175 đồng; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm



nghèo 52.091.643 đồng; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 425.616.711 đồng).

(chi tiết theo các phụ lục biểu đính kèm)

Trên đây là Báo cáo thuyết minh tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các ban của HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lường Tuấn Anh**